ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC HIỆN ĐẠI (LỚP HỌC ĐẢO NGƯỢC, DẠY HỌC ĐỒNG ĐẲNG) TRONG GIẢNG DẠY KHIÊU VŨ CHO SINH VIÊN

ThS. Bùi Lệ Thu[1]; ThS. Cao Duy Chương[2]; TS. Trần Trọng Thân[3]

Tóm tắt: *Nghiên cứu này khám phá hiệu quả của việc kết hợp hai phương pháp dạy học hiện đại, lớp học đảo ngược và dạy học đồng đẳng, trong giảng dạy khiêu vũ thể thao tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. Sử dụng các phương pháp nghiên cứu thường qui, kết quả nghiên cứu cho thấy kết hợp hai phương pháp dạy học giúp cải thiện kỹ năng thực hành, tăng cường động lực học tập và nâng cao sự tự tin của sinh viên. Dựa trên những phát hiện này, nghiên cứu khuyến nghị áp dụng linh hoạt các phương pháp dạy học hiện đại trong giảng dạy khiêu vũ thể thao cho sinh viên, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện của sinh viên.*

Từ khóa: *Lớp học đảo ngược, dạy học đồng đẳng, khiêu vũ thể thao, sinh viên.*

Abstract: *This study explores the effectiveness of combining two modern teaching methods, the flipped classroom and peer teaching, in teaching sports dance at the University of Economics - Technical Industry. Using conventional research methods, the findings indicate that integrating these teaching approaches enhances practical skills, boosts learning motivation, and increases students' confidence. Based on these findings, the study recommends the flexible application of modern teaching methods in sports dance education to improve the quality of instruction and support students' holistic development.*

Keywords: *Flipped classroom, peer teaching, sports dance, students.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện của sinh viên (SV) là một yêu cầu cấp thiết. Phương pháp giảng dạy truyền thống, với đặc trưng là giảng viên (GV) truyền đạt kiến thức một chiều và SV tiếp thu thụ động, đang bộc lộ những hạn chế nhất định. Phương pháp này thường thiếu tính tương tác, khó tạo ra môi trường học tập năng động và khuyến khích sự tham gia tích cực của SV. Do đó, việc tìm kiếm và áp dụng các phương pháp giảng dạy mới, hiệu quả hơn là điều cần thiết.

Trong những năm gần đây, lớp học đảo ngược (LHĐN) và dạy học đồng đẳng (DHĐĐ) đã được chứng minh là những phương pháp giảng dạy hiệu quả, mang lại nhiều lợi ích cho người học. LHĐN giúp SV chủ động tìm hiểu kiến thức trước khi đến lớp, tạo điều kiện cho việc thảo luận và thực hành sâu hơn trên lớp. Trong khi đó, DHĐĐ đẳng khuyến khích SV học hỏi, hỗ trợ lẫn nhau, phát triển kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp.

Do đó, nghiên cứu này tập trung đánh giá hiệu quả ứng dụng kết hợp hai phương pháp LHĐN và DHĐĐ trong giảng dạy môn khiêu vũ cho SV tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, từ đó khuyến nghị cho việc áp dụng rộng rãi trong thực tiễn giảng dạy khiêu vũ tại các trường đại học.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

2.1. Phương pháp tiến hành nghiên cứu

2.1.1. Thiết kế nghiên cứu và thu thập xử lý số liệu

Nghiên cứu này áp dụng phương pháp thực nghiệm với hai nhóm đối tượng: Nhóm thực nghiệm (TN), áp dụng LHĐN và DHĐĐ và nhóm đối chứng (ĐC), áp dụng phương pháp truyền thống. SV được chia ngẫu nhiên nhằm đảm bảo tính đồng nhất về đặc điểm nhân khẩu học và trình độ khiêu vũ. Thực nghiệm kéo dài trong 6 tuần.

Dữ liệu được thu thập thông qua bài kiểm tra kỹ năng khiêu vũ, bảng khảo sát thái độ học tập và phỏng vấn GV. Phương pháp phân tích định lượng bao gồm kiểm định t-test để so sánh trung bình giữa hai nhóm, phân tích phương sai (ANOVA) để đánh giá sự khác biệt giữa các biến số và phân tích tương quan để xác định mối quan hệ giữa các yếu tố. Phương pháp định tính sử dụng phân tích nội dung các chủ đề chính từ dữ liệu phỏng vấn.

2.1.2. Thực nghiệm phương pháp giảng dạy

Trong quá trình thực nghiệm, GV kết hợp áp dụng đồng thời hai phương pháp giảng dạy LHĐN và DHĐĐ. Các phương pháp này được triển khai song song để tối ưu hóa quá trình học tập và thực hành của SV.

** Trước giờ học*

GV: Chuẩn bị tài liệu hướng dẫn, thiết kế câu hỏi

1, 2, 3: Khoa Giáo dục Thể chất,
Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật - Công nghiệp

tự đánh giá và theo dõi phản hồi từ SV để điều chỉnh nội dung giảng dạy phù hợp; xác định các vấn đề SV gặp phải để có phương án hỗ trợ hiệu quả trong giờ học.

SV: Được yêu cầu tự học trước tại nhà thông qua tài liệu và video hướng dẫn do GV cung cấp. Các tài liệu này bao gồm:

- Video minh họa kỹ thuật khiêu vũ do GV hoặc chuyên gia thực hiện.
- Hướng dẫn lý thuyết chi tiết về các động tác cơ bản, tư thế đúng, quy trình luyện tập và cách điều chỉnh sai sót.
- Câu hỏi tự đánh giá và bài tập ngắn giúp SV kiểm tra mức độ hiểu bài trước khi đến lớp.
- SV chủ động xem kỹ tài liệu, thực hành theo hướng dẫn, ghi chú các thắc mắc và chuẩn bị câu hỏi để thảo luận trên lớp.

** Hoạt động trong giờ học*

GV đóng vai trò hướng dẫn, tạo điều kiện cho SV thực hành và thảo luận; quan sát, đưa ra phản hồi kịp thời và can thiệp khi cần thiết để đảm bảo SV hiểu và thực hiện đúng kỹ thuật. Một số hoạt động nổi bật bao gồm:

- Bài tập nhóm trước buổi học: SV thực hành thông qua video hướng dẫn và tài liệu.
- Học theo dự án: SV nghiên cứu một kỹ thuật khiêu vũ cụ thể, chuẩn bị bài thuyết trình hoặc video thực hành để trình bày trước lớp.
- Hệ thống câu hỏi tương tác: GV đặt các câu hỏi kiểm tra nhanh mức độ hiểu bài của SV.
- Học tập theo cặp: SV thực hành theo cặp, quan sát, chỉnh sửa động tác cho nhau.
- Thảo luận nhóm theo chủ đề: Các nhóm trao đổi về kỹ thuật, lợi ích của từng động tác, cách khắc phục lỗi thường gặp và áp dụng vào bài tập biểu diễn.
- Phản hồi ngang hàng: SV nhận xét, đánh giá lẫn nhau theo tiêu chí được thiết lập trước, giúp nâng cao khả năng tự điều chỉnh động tác.
- Biểu diễn nhóm: Mỗi nhóm thực hiện một bài tập khiêu vũ trước lớp và nhận phản hồi từ GV và bạn bè.

2.2. Đánh giá kỹ năng thực hành khiêu vũ sau thực nghiệm và điểm thi

Kết quả bảng 1 cho thấy nhóm TN có sự cải thiện rõ rệt về kỹ năng thực hành và điểm thi so với nhóm ĐC. Điểm kiểm tra kỹ thuật ở tuần 6 của nhóm TN tăng đáng kể (8.4 ± 1.2) so với tuần 4 (7.8 ± 1.3), với độ chênh lệch là 0.6 ± 0.3. Trong khi đó, nhóm ĐC chỉ tăng nhẹ từ 6.7 ± 1.5 lên 7.0 ± 1.4 với độ chênh lệch là 0.3 ± 0.2. Điểm thi kết thúc học phần của nhóm TN (8.5 ± 1.1) cũng cao hơn đáng kể so với nhóm ĐC (6.9 ± 1.3), với sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0.05$). Điều này cho thấy phương pháp giảng dạy kết hợp LHĐN và DHĐĐ có hiệu quả hơn so với phương pháp giảng dạy truyền thống.

2.3. Kết quả khảo sát thái độ học tập

Kết quả phỏng vấn mức độ yêu thích, hứng thú, nỗ lực và tự tin khi học khiêu vũ của SV nhóm TN và ĐC được trình bày tại bảng 2.

Kết quả khảo sát cho thấy nhóm TN có mức độ yêu thích, hứng thú, nỗ lực và tự tin cao hơn đáng kể so với nhóm ĐC ($p < 0.05$). Cụ thể, mức độ yêu thích môn khiêu vũ của nhóm TN đạt 4.30 ± 0.08, cao hơn so với nhóm ĐC (3.78 ± 0.17, $p = 0.004$). Mức độ hứng thú cũng cho thấy sự khác biệt rõ rệt (4.35 ± 0.13 so với 3.78 ± 0.17, $p = 0.002$), điều này có thể xuất phát từ việc SV nhóm TN được chủ động học tập thông qua LHĐN, giúp họ tiếp cận kiến thức một cách linh hoạt hơn, đồng thời môi trường DHĐĐ tạo điều kiện cho sự tương tác và hợp tác tích cực.

Bên cạnh đó, mức độ nỗ lực khi học môn khiêu vũ của nhóm TN đạt 4.30 ± 0.08, cao hơn so với nhóm ĐC (3.80 ± 0.12, $p = 0.0006$). Điều này phản ánh sự chủ động của SV nhóm TN trong việc tìm kiếm tài liệu học tập, tham gia các hoạt động ngoại khóa và tích cực thực hành. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Topping (2005), cho rằng DHĐĐ giúp SV có động lực học tập cao hơn và nâng cao

Bảng 1. So sánh kết quả kiểm tra kỹ thuật và điểm thi của nhóm TN và ĐC

Nhóm	Điểm kiểm tra kỹ thuật (Tuần 4)	Điểm kiểm tra kỹ thuật (Tuần 6)	Độ chênh lệch điểm (Tuần 6 - Tuần 4)	Điểm thi kết thúc học phần
TN (n=177)	7.8 ± 1.3	8.4 ± 1.2	0.6 ± 0.3	8.5 ± 1.1
ĐC (n=173)	6.7 ± 1.5	7.0 ± 1.4	0.3 ± 0.2	6.9 ± 1.3
t-test	3.82	4.51	3.10	6.35
df	348	348	348	348
p	<0.05	<0.05	<0.05	<0.05

Bảng 2. Kết quả phỏng vấn mức độ yêu thích, hứng thú, nỗ lực và tự tin khi học khiêu vũ của SV nhóm TN và ĐC

Câu hỏi	Nhóm TN (n= 177)	Nhóm ĐC (n= 173)	p
Mức độ yêu thích	4.30 ± 0.08	3.78 ± 0.17	0.00
Mức độ yêu thích của em đối với môn Khiêu vũ như thế nào?	4.3 ± 0.7	3.8 ± 0.8	0.02
Em có thích tham gia các hoạt động ngoại khóa liên quan đến Khiêu vũ không?	4.2 ± 0.8	3.7 ± 0.9	0.03
Môn Khiêu vũ có đáp ứng được kỳ vọng của em không?	4.4 ± 0.6	4.0 ± 0.7	0.01
Em có hài lòng với chất lượng giảng dạy môn Khiêu vũ không?	4.3 ± 0.7	3.6 ± 0.8	0.02
Mức độ hứng thú	4.35 ± 0.13	3.78 ± 0.17	0.00
Mức độ hứng thú của em khi tham gia học môn Khiêu vũ như thế nào?	4.4 ± 0.6	3.8 ± 0.7	0.01
Em có cảm thấy rằng việc học Khiêu vũ đã tạo ra một môi trường học tập tích cực và thú vị không?	4.5 ± 0.5	4.0 ± 0.8	0.01
Em có thường xuyên tham gia và thảo luận về các hoạt động học tập liên quan đến môn Khiêu vũ với bạn bè không?	4.3 ± 0.7	3.7 ± 0.9	0.02
Em có thấy rằng việc học Khiêu vũ đã giúp em giảm stress và tăng cảm giác vui vẻ không?	4.2 ± 0.8	3.6 ± 0.9	0.03
Mức độ nỗ lực	4.30 ± 0.08	3.80 ± 0.12	0.00
Mức độ nỗ lực của em khi học môn Khiêu vũ như thế nào?	4.3 ± 0.7	3.7 ± 0.8	0.03
Em có muốn tiếp tục học Khiêu vũ hoặc tham gia các hoạt động liên quan trong tương lai không?	4.4 ± 0.6	3.9 ± 0.7	0.02
Em có thấy việc hoàn thành bài tập về nhà của môn Khiêu vũ là thách thức hay không?	4.2 ± 0.8	3.9 ± 0.9	0.03
Em có chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin để học thêm về môn Khiêu vũ hay không?	4.3 ± 0.7	3.7 ± 0.8	0.02
Mức độ tự tin	4.40 ± 0.08	3.72 ± 0.15	0.00
Mức độ tự tin của em khi thực hành các động tác Khiêu vũ như thế nào?	4.4 ± 0.6	3.6 ± 0.7	0.02
Em có cảm thấy thoải mái khi tham gia các hoạt động học tập liên quan đến môn Khiêu vũ hay không?	4.5 ± 0.5	3.9 ± 0.8	0.01
Em có thường xuyên tham gia các buổi biểu diễn, thi đấu Khiêu vũ hay không?	4.3 ± 0.7	3.6 ± 0.9	0.02
Em có nghĩ rằng mình đã tiến bộ trong việc học môn Khiêu vũ hay không?	4.4 ± 0.6	3.8 ± 0.7	0.02
Em có thấy rằng việc học Khiêu vũ đã tạo ra cơ hội để bạn giao lưu với người khác không?	4.3 ± 0.7	3.6 ± 0.8	0.03
Em có cảm thấy rằng việc học Khiêu vũ đã giúp bạn phát triển kỹ năng giao tiếp không?	4.2 ± 0.8	3.7 ± 0.9	0.03
Em có thấy tự tin khi hướng dẫn người khác về các động tác Khiêu vũ không?	4.3 ± 0.7	3.5 ± 0.8	0.02

kỹ năng tự học.

Mức độ tự tin của SV nhóm TN khi thực hành các động tác khiêu vũ cũng cao hơn đáng kể (4.40 ± 0.08 so với 3.72 ± 0.15, p = 0.0007). Điều này cho thấy sự kết hợp giữa tự học qua LHĐN và thực hành nhóm trong DHĐĐ không chỉ giúp cải thiện kỹ năng mà còn tăng sự tự tin trong biểu diễn và giao tiếp.

Nhìn chung, kết quả khảo sát khẳng định rằng phương pháp giảng dạy kết hợp không chỉ giúp SV tiến bộ về kỹ năng thực hành mà còn tạo động lực, thúc đẩy sự chủ động, tương tác tích cực và sự tự tin trong học tập khiêu vũ. LHĐN giúp SV chuẩn bị tốt hơn trước giờ học, trong khi DHĐĐ tạo môi trường thực hành hiệu quả, nâng cao kỹ năng cá nhân và tương tác nhóm. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu trước đây về hiệu quả của các phương pháp giảng dạy hiện đại (Bergmann & Sams, 2012; O'Flaherty & Phillips, 2015). Tuy nhiên, để phương pháp này phát huy hiệu quả tối đa, cần có sự chuẩn

bị kỹ lưỡng từ GV, đảm bảo SV có đủ tài liệu học tập và môi trường học tập phù hợp.

2.4. So sánh đánh giá của GV về phương pháp truyền thống và phương pháp kết hợp

Tổng hợp nhận xét của GV về phương pháp dạy học truyền thống và phương pháp kết hợp sau thực nghiệm được trình bày tại bảng 3 và 4.

Tổng hợp nhận xét của GV cho thấy phương pháp giảng dạy mới có nhiều ưu điểm vượt trội so với phương pháp truyền thống. GV nhận thấy SV nhóm TN chủ động hơn trong học tập, có khả năng làm việc nhóm tốt hơn và tiến bộ nhanh hơn trong kỹ năng khiêu vũ. Tuy nhiên, GV cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc chuẩn bị tài liệu chất lượng, linh hoạt trong kế hoạch giảng dạy và hỗ trợ kịp thời cho SV để đảm bảo hiệu quả của phương pháp này.

Kết quả tổng hợp ý kiến từ các GV (bảng 4) về việc áp dụng phương pháp giảng dạy kết hợp. Một trong những điểm quan trọng là cần chuẩn bị kỹ lưỡng tài liệu và video hướng dẫn để hỗ trợ SV tự học hiệu quả. Điều này phù hợp với kết quả thực nghiệm khi nhóm SV áp dụng phương pháp mới có sự tiến bộ rõ rệt về kỹ năng.

GV cũng nhấn mạnh sự linh hoạt trong điều chỉnh kế hoạch giảng dạy, giúp giải quyết kịp thời khó khăn của SV và nâng cao hiệu quả học tập. Đồng thời, việc tạo môi trường học tập tích cực, khuyến khích SV trao đổi và hỗ trợ nhau góp phần cải thiện thái độ học tập, tăng cường kỹ năng làm việc nhóm và sự tự tin.

Ngoài ra, cần có hệ thống đánh giá toàn diện, không chỉ dựa trên điểm số mà còn xem xét khả năng làm việc nhóm và mức độ tham gia vào hoạt động học tập. Việc đảm bảo cơ sở vật chất đầy đủ, tổ chức tập huấn GV và nhận được sự hỗ trợ từ nhà trường cũng là những yếu tố quan trọng giúp triển khai phương pháp mới hiệu quả hơn.

Nhìn chung, các ý kiến đóng góp khẳng định hiệu quả của phương pháp giảng dạy kết hợp, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của sự chuẩn bị, điều

Bảng 3. Tổng hợp nhận xét của GV về phương pháp dạy học truyền thống và phương pháp kết hợp sau thực nghiệm

Tiêu chí	Phương pháp truyền thống	Phương pháp kết hợp (LHĐN& DHĐĐ)
Mức độ tham gia của SV	- Thụ động, chủ yếu tiếp thu kiến thức một chiều. - Ít có cơ hội tương tác và thảo luận. - Sự tham gia phụ thuộc vào sự chủ động cá nhân.	- Tích cực, chủ động tìm hiểu kiến thức trước khi đến lớp. - Tăng cường tương tác và thảo luận nhóm. - Khuyến khích sự tham gia của tất cả SV.
Khả năng tự học	- Hạn chế, phụ thuộc vào sự hướng dẫn của GV. - Ít có cơ hội phát triển kỹ năng tự học.	- Cao, SV chủ động tìm kiếm và xử lý thông tin. - Phát triển kỹ năng tự học và tự đánh giá.
Khả năng làm việc nhóm	- Thấp, ít có cơ hội làm việc nhóm. - Kỹ năng làm việc nhóm không được chú trọng.	- Cao, SV làm việc nhóm thường xuyên. - Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và hợp tác.
Sự tiến bộ về kỹ năng	- Chậm, tiến độ phụ thuộc vào khả năng tiếp thu cá nhân. - Khó đánh giá sự tiến bộ của từng SV.	- Nhanh, SV được thực hành và nhận phản hồi liên tục. - Dễ dàng đánh giá sự tiến bộ của từng SV thông qua hoạt động nhóm.
Yêu cầu về chuẩn bị của GV	- Thấp, chủ yếu là chuẩn bị bài giảng và tài liệu. - Ít đòi hỏi sự sáng tạo trong thiết kế hoạt động.	- Cao, cần chuẩn bị tài liệu đa dạng, video hướng dẫn, hoạt động nhóm. - Đòi hỏi sự sáng tạo trong thiết kế hoạt động và hỗ trợ SV.
Tính cá nhân hóa	- Thấp, khó đáp ứng nhu cầu học tập cá nhân. - Tốc độ học tập đồng đều, ít chú trọng đến sự khác biệt.	- Cao, SV có thể tự điều chỉnh tốc độ học tập. - Tạo điều kiện cho SV phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu.
Mức độ hứng thú của SV	Trung bình, có thể gây nhàm chán nếu GV không tạo được sự hấp dẫn.	- Cao, tạo môi trường học tập năng động và thú vị. - Tăng cường động lực học tập của SV.
Khả năng ứng dụng kiến thức	Hạn chế, SV khó vận dụng kiến thức vào thực tế.	Cao, SV được thực hành và giải quyết vấn đề thực tế.
Phản hồi từ SV	Ít có cơ hội nhận phản hồi từ SV trong quá trình học.	Nhận phản hồi liên tục từ SV thông qua hoạt động nhóm và thảo luận.

Bảng 4. Ý kiến đóng góp của GV tham gia thực nghiệm về những lưu ý khi áp dụng phương pháp kết hợp sau thực nghiệm

Tổng hợp ý kiến đóng góp	Ghi chú	Liên kết với kết quả/thảo luận
Cần chuẩn bị kỹ lưỡng tài liệu và video hướng dẫn trước mỗi buổi học, đặc biệt là các video minh họa kỹ thuật khiêu vũ.	Các video này cần rõ ràng, chi tiết và phù hợp với trình độ SV, giúp họ tự học hiệu quả.	Phù hợp với kết quả về sự tiến bộ kỹ năng ở nhóm TN, nhấn mạnh vai trò của tài liệu trực quan.
Cần linh hoạt điều chỉnh kế hoạch bài giảng dựa trên phản hồi của SV trong quá trình thực nghiệm.	Các buổi thảo luận và thực hành nhóm cần được điều chỉnh để giải quyết kịp thời các khó khăn của SV.	Liên quan đến sự tiến bộ kỹ năng và thái độ tích cực của SV, cho thấy sự điều chỉnh linh hoạt của GV là cần thiết.
Tạo môi trường học tập thoải mái, khuyến khích SV tự do trao đổi và hỗ trợ lẫn nhau trong nhóm.	GV cần đóng vai trò là người hướng dẫn, tạo điều kiện cho SV tự học và làm việc nhóm hiệu quả.	Nhấn mạnh tầm quan trọng của tương tác xã hội trong học tập, phù hợp với kết quả về mức độ hứng thú và tự tin của SV.
Cần quan sát và hỗ trợ kịp thời cho SV gặp khó khăn trong quá trình thực hành kỹ thuật.	GV cần có mặt để hỗ trợ và giải đáp thắc mắc của SV, đặc biệt là trong các buổi thực hành nhóm.	Phù hợp với kết quả về sự tiến bộ kỹ năng, cho thấy sự hỗ trợ kịp thời của GV là yếu tố quan trọng.
Cần đánh giá sự tiến bộ của SV một cách toàn diện, không chỉ dựa trên điểm số bài kiểm tra.	Kết hợp đánh giá kỹ năng thực hành, khả năng làm việc nhóm và thái độ học tập của SV.	Liên quan đến kết quả khảo sát thái độ học tập, cho thấy đánh giá toàn diện giúp phản ánh chính xác sự tiến bộ của SV.
Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa GV và trợ giảng (nếu có) để đảm bảo sự nhất quán trong hướng dẫn.	Phân công nhiệm vụ rõ ràng và thường xuyên trao đổi thông tin giữa GV và trợ giảng.	Đảm bảo sự đồng nhất trong phương pháp dạy học và hỗ trợ SV.
Cần đảm bảo cơ sở vật chất và trang thiết bị phù hợp cho các hoạt động nhóm và thực hành.	Đủ không gian, nhạc và các dụng cụ hỗ trợ khác để SV thực hành hiệu quả.	Tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng phương pháp mới.
Cần có các buổi tập huấn chuyên sâu về phương pháp mới trước khi áp dụng rộng rãi.	Giúp GV làm quen với các công cụ, kỹ thuật và cách thức tổ chức LHĐN và DHĐĐ.	Đảm bảo GV có đủ năng lực và tự tin để áp dụng phương pháp mới.
Cần định kỳ đánh giá và điều chỉnh phương pháp dựa trên phản hồi của SV và GV.	Tổ chức các buổi thảo luận, khảo sát và đánh giá để cải tiến phương pháp liên tục.	Đảm bảo phương pháp luôn được cải tiến và phù hợp với nhu cầu của SV và yêu cầu của môn học.
Cần có sự đồng thuận và ủng hộ từ phía nhà trường để tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng phương pháp mới.	Hỗ trợ về tài chính, thời gian và nguồn lực để GV thực hiện phương pháp mới hiệu quả.	Tạo môi trường thuận lợi cho sự đổi mới và nâng cao chất lượng dạy học.

chỉnh linh hoạt và hỗ trợ GV trong quá trình thực hiện.

3. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy phương pháp giảng dạy kết hợp giữa LHĐN và DHĐĐ mang lại hiệu quả tích cực hơn so với phương pháp truyền thống. SV nhóm TN không chỉ có sự tiến bộ vượt trội về kỹ năng thực hành mà còn có thái độ học tập chủ động, tích cực hơn. Việc áp dụng các phương pháp này giúp nâng cao động lực học tập, sự tự tin và khả năng làm việc nhóm của SV, đồng thời tạo môi trường học tập tương tác và hiệu quả hơn.

Nghiên cứu khẳng định tiềm năng ứng dụng của phương pháp LHĐN và DHĐĐ trong giảng dạy khiêu vũ thể thao. Việc triển khai linh hoạt mô hình này có thể góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và thúc đẩy đổi mới phương pháp giảng dạy trong giáo dục đại học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bergmann, J., Sams, A.: *Flip your classroom: Reah every student in every class every day.* International Society for Technology in Education, 2012.

2. O'Flaherty, J., Philips, C.: *The use of flipped classrooms in higher education: A scoping review.* The Internet and Higher Education, 25, 85-95, 2015.

3. Topping, K. J.: Peer assisted learning: *The principles and practice for secondary schools*. Paul Chapman Educational Publishing, 2005.

Nguồn bài báo: *được trích dẫn từ một phần đề tài KH&CN cấp trường: 'Nghiên cứu xây dựng hệ thống bài tập ứng dụng trong dạy học môn khiêu vũ thể thao cho SV Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp". CNĐT: ThS. Bùi Lệ Thu, 2024.*

Ngày nhận bài: 4/1/2025; Ngày duyệt đăng: 15/4/2025.